

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS - PT

Ngày 17 - 02 - 2025

*“kiện đòi tài sản là tiền do vi phạm
nghĩa vụ”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “kiện đòi tài sản là tiền do vi phạm nghĩa vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thân Thị H, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1 - Luật sư thuộc Công ty L – Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt)

Địa chỉ: Số D N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 (chồng chị H).

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người kháng cáo: Chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thân Thị H trình bày: Chị Thân Thị H và chị Lê Thị T có quan hệ thông gia với nhau (em gái chị T lấy anh trai chị H), chị H biết chị T có quan hệ làm ăn, buôn bán với bên Trung Quốc; chị T nói có khả năng đổi tiền Việt Nam đồng (VNĐ) sang đồng nhân dân tệ (tiền Trung Quốc). Do tin tưởng chị T là người nhà nên chị đã chuyển khoản cho chị T số tiền là 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng) để nhờ chị T đổi sang tiền nhân dân tệ vào ngày 20/01/2022. Mục đích của việc đổi tiền là chị H muốn có tiền nhân dân tệ để làm ăn, giao dịch với các đối tác Trung Quốc. Tuy nhiên, sau khi chị H chuyển tiền VNĐ cho chị T thì không thấy chị T chuyển trả cho chị tiền nhân dân tệ. Khi bị hỏi thúc nhiều, ngày 01/02/2022 chị T chuyển trả lại cho chị H số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) tiền VNĐ. Từ đó cho đến nay, chị T không chuyển lại tiền cho chị bất cứ khoản tiền VNĐ hay nhân dân tệ như chị T đã hứa trước đó. Đến nay, chị T vẫn đang quản lý của chị số tiền là 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng). Sự việc nêu trên theo chị H là do chị T đã tin tưởng và chuyển tiền cho đối tượng tên H2 với số tiền hơn 13 tỷ đồng, nhưng chị H2 đã sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc, vi phạm pháp luật và mất khả năng thanh toán. Vụ việc đã bị khởi tố vụ án hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử đối với đối tượng H2 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về phần dân sự, cơ quan pháp luật đã xác định đối tượng H2 phải trả cho chị T số tiền 11.500.000.000đ. Tuy nhiên, chị T cứ lấy cớ như vậy, thoái thác không trả cho chị H số tiền còn thiếu là 06 (sáu) tỷ đồng mà lại yêu cầu chị phải đòi số tiền trên từ đối tượng tên H2.

Số tiền mà chị chuyển cho chị T là tài sản chung của vợ chồng chị (chồng là anh Nguyễn Văn C).

Chị H khởi kiện và đề nghị Tòa án:

- Buộc chị Lê Thị T phải trả cho chị và chồng là Nguyễn Văn C số tiền là 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng).

- Chị không yêu cầu trả tiền lãi.

- Về án phí: Đề nghị chị T phải chịu nộp.

Bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và chị Thân Thị H có mối quan hệ thông gia với nhau; Giữa chị và chị H không có mâu thuẫn gì. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thân Thị H, chị có ý kiến như sau:

Chị thừa nhận có nhận tiền chuyển khoản của chị Thân Thị H làm 03 lần với tổng số tiền là 7.000.000.000đ vào ngày 20/01/2022. Nhưng số tiền trên không phải là số tiền chị vay của chị H, mà việc chị H chuyển tiền cho chị để nhờ chị H2 đổi tiền VNĐ sang Nhân dân tệ.

Vào khoảng giáp tết năm 2022, chị Nguyễn Thị H2 (là bạn làm ăn của chị) có nói, ra giêng Ngân hàng Trung Quốc làm việc thì sẽ chuyển tiền Nhân dân tệ trả tiền cho chị. Do vậy, chị đã góp tiền rồi sau đó chuyển cho chị H2 khoảng hơn 13 tỷ đồng (trong đó có 07 tỷ đồng của chị H) để nhờ chị H2 đổi từ tiền VNĐ sang Nhân dân tệ. Nhưng sau đó, chị H2 đã vi phạm pháp luật, không thực hiện được công việc đổi tiền.

Đối với chị H: Sau khi chuyển tiền cho chị (T) 07 tỷ đồng, trong thời gian ngắn, chị H đã nhiều lần đến nhà nói, hăm dọa nên chị rất sợ và căng thẳng nên chị phải đi vay nóng để trả cho chị H 1.000.000.000đ. Số tiền 06 tỷ đồng còn lại, do hiện nay chị H2 vẫn chưa trả lại cho chị nên chị không thể trả tiền cho chị H.

Nay chị Thân Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị phải trả cho vợ chồng chị H số tiền là 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng). Quan điểm của chị không đồng ý vì đây không phải là tiền vay, không có việc chị sử dụng tiền của chị H. Nếu phải trả tiền, thì trách nhiệm phải thuộc về chị H2.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C (chồng của chị Thân Thị H) trình bày:

Anh là chồng của chị Thân Thị H – nguyên đơn trong vụ án. Anh xác nhận lời trình bày và quan điểm về giải quyết vụ án của chị H là đúng, không có ý kiến gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Nguyễn Văn H1 phát biểu quan điểm:

Giữa chị Thân Thị H và chị Lê Thị T có mối quan hệ thông gia, giữa hai bên không có mâu thuẫn hay thù oán gì. Do vậy, việc chị H chuyển khoản cho chị T 07 tỷ đồng là để cùng nhau góp tiền đổi ngoại tệ. Và thực tế, chị T đã góp thêm vào số tiền hơn 06 tỷ đồng để chuyển cho chị Nguyễn Thị H2 nhờ thực

hiện công việc đối ngoại tệ. Chị T hoàn toàn không được hưởng lợi gì, không chiếm dụng tài sản của chị H. Việc chị T chưa trả tiền cho chị H là do chị H2 vi phạm pháp luật bị bắt, bị xử phạt tù, mất khả năng thanh toán.

Trong vụ án này, có dấu hiệu của việc các bên xác lập quan hệ hợp đồng mua bán ngoại tệ trái pháp luật; dù biết chị T không có chức năng, không được thực hiện việc mua bán ngoại tệ nhưng chị H vẫn nhờ chị T. Do vậy, không thể xác định là kiện đòi tài sản đơn thuần, mà phải xác định quan hệ hợp đồng cụ thể, ai vi phạm và mức độ lỗi, từ đó xác định thiệt hại của các bên.

Luật sư H1 đề nghị: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc buộc chị T phải trả 06 tỷ đồng; nếu có yêu cầu, thì chị H phải đòi người hiện nay đang quản lý tài sản là chị Nguyễn Thị H2.

Với nội dung bản án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ Điều 166, Điều 274, Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị H về việc buộc chị Lê Thị T phải hoàn trả số tiền đang chiếm hữu. Buộc chị Lê Thị T phải trả lại cho chị Thân Thị H và anh Nguyễn Văn C số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh C, chị H có yêu cầu thi hành án, nếu chị T không trả số tiền theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán. Ngoài ra còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/9/2024, chị Lê Thị T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, quan điểm của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị triệu tập bị cáo H2 vào tham gia tố tụng; đơn khởi kiện của nguyên đơn mang tính tố cáo, chưa đảm bảo theo mẫu và giữ nguyên quan điểm bảo vệ của mình tại cấp sơ thẩm và đề nghị: Hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội

dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Vĩnh Tường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Lê Thị T làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn C và chị Thân Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Lê Thị T thấy rằng:

Từ sự thừa nhận của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; từ thông tin chuyển khoản ngân hàng; từ sao kê tài khoản của các bên đương sự, có căn cứ để xác định: Ngày 20/01/2022, chị Thân Thị H chuyển khoản cho chị Lê Thị T 07 tỷ đồng để nhờ chị T đổi tiền VNĐ sang tiền Trung Quốc. Sau đó, ngày 01/02/2022 chị T chuyển trả lại cho chị H số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Như vậy, chị T còn nhận qua chuyển khoản từ chị H số tiền 06 tỷ đồng chưa thanh toán cho nhau.

Bị đơn và luật sư H1 đề nghị triệu tập bị cáo H2 vào tham gia tố tụng; đơn khởi kiện của nguyên đơn mang tính tố cáo, chưa đảm bảo theo mẫu; cho rằng chị H và chị T để cùng nhau góp tiền đổi ngoại tệ; có dấu hiệu của việc các bên xác lập quan hệ hợp đồng mua bán ngoại tệ trái pháp luật; dù biết chị T không có chức năng, không được thực hiện việc mua bán ngoại tệ nhưng chị H vẫn nhờ chị T. Do vậy, không thể xác định là kiện đòi tài sản đơn thuần, mà phải xác định quan hệ hợp đồng cụ thể, ai vi phạm và mức độ lỗi, từ đó xác định thiệt hại của các bên; Việc chị T chưa trả tiền cho chị H là do chị H2 vi phạm pháp luật bị bắt, bị xử phạt tù, mất khả năng thanh toán; H2 phải trả cho chị T thì chị T mới trả cho chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc đưa bị cáo H2 vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì chị H không có liên quan đến việc chị T có giao dịch, quan hệ gì với bị cáo H2. Về đơn của chị H mang tính chất tố cáo, không theo mẫu đơn khởi kiện dân sự, thấy rằng: nội dung đơn của chị H cũng đã yêu cầu buộc chị T

trả tiền; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo thụ lý; tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án về việc giải quyết thanh toán trả lại tiền của chị T cho chị H nhưng các đương sự không có ý kiến gì. Do vậy, cấp sơ thẩm không vi phạm gì nghiêm trọng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Về các nội dung quan hệ pháp luật và nghĩa vụ thanh toán, thấy rằng: Chị H biết chị T có khả năng đối ngoại tệ nên chị H nhờ đối tiền và được chị T chấp nhận. Điều này căn cứ vào việc chị H đã thực hiện chuyển khoản tiền và chị T đồng ý, nhận tiền chuyển khoản của chị H mà không phản hồi lại hay chuyển lại số tiền chị H đã chuyển. Nếu chị T không đồng ý thì phải thông tin lại; phải chuyển trả ngay số tiền chị đã nhận của chị H. Chị H chỉ cần biết chị T có khả năng đối tiền cho mình mà không cần biết và trên thực tế không có tài liệu nào thể hiện chị H biết chị T đối tiền ở đâu. Không có tài liệu nào thể hiện chị H biết chị H2 như chị T khai tại phiên tòa mà nếu có biết thì chị H cũng không hề giao dịch gì với chị H2; không thực hiện chuyển tiền, đối tiền với chị H2; không có căn cứ, tài liệu nào thể hiện giao dịch giữa chị T và chị H2 mà chị H biết.

Đối với chị Nguyễn Thị H2 là người nhận của chị T số tiền hơn 11 tỷ đồng của chị T (trong số đó có 06 tỷ do chị H chuyển cho chị T) chưa trả chị T: Cơ quan điều tra đã chứng minh hành vi của chị H2 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã được giải quyết bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật và xác định H2 chiếm đoạt của chị T, không chiếm đoạt của chị H; bản án hình sự cũng xác định chị T là bị hại trong vụ án, chị H chỉ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2023/HS-ST, ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H2 phải bồi thường cho chị Lê Thị T 11.500.000.000 đồng, xác nhận đã bồi thường 100.000.000đồng; còn lại phải bồi thường là 11.400.000.000 đồng.

Chị Lê Thị T đã kháng cáo phần nội dung nêu trên của Bản án sơ thẩm theo hướng, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử buộc bị cáo H2 phải trả cho chị H 06 (sáu) tỷ đồng (Bản án Phúc thẩm nêu – BL39). Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 783/2023/HS-PT, ngày 12/10/2023 của TAND Cấp cao tại Hà Nội nhận định, xác định: Giữa bị cáo H2 và chị Thân Thị H không có giao dịch, vì vậy xác định bị cáo H2 chiếm đoạt tiền của chị T 11,5 tỷ đồng; không có căn cứ để buộc bị cáo H2 phải trả cho chị Thân Thị H 06 tỷ đồng, đồng thời giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Như phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc chị T

nhận tiền của chị H thì phải có trách nhiệm với chị H; không có sự liên quan về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo H2 với chị H. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc chị T phải trả tiền cho chị H, anh C là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của chị T không có cơ sở chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Vĩnh Tường.

Căn cứ các Điều 166, Điều 274, Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị H về việc buộc chị Lê Thị T phải hoàn trả số tiền đã nhận chuyển khoản của chị H.

Buộc chị Lê Thị T phải trả lại cho chị Thân Thị H và anh Nguyễn Văn C số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn C, chị Thân Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị T không trả số tiền theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 114.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005094 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Lê Thị T còn phải nộp 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho chị Thân Thị H số tiền tạm ứng án phí 57.000.000đ tại Biên lai

thu tạm ứng án phí số 0004867 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Mạnh